TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG** Số: 123/2021/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Tân Yên, ngày 08 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 174/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 giữa:

* Nguyên đơn: Chị Bùi Thị M, sinh năm 1999

Nơi ĐKHK: thôn Ng, xã L, huyện T, tỉnh B;

Nơi cư trú: thôn M, xã H, huyện V, tỉnh B.

* Bị đơn: Anh Giáp Văn H, sinh năm 1994

Nơi cư trú: thôn Ng, xã L, huyện T, tỉnh B.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 55; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; khoản 1 Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị M và anh Giáp Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: giao cho anh Giáp Văn H nuôi dưỡng con chung là Giáp Thị Ngọc H, sinh ngày 14/11/2015 và Giáp Gia H, sinh ngày 12/7/2018. Chị M

cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H với mức 1.000.000 đồng/ tháng/ con. Tổng cộng là 2.000.000 đồng/tháng/ 02 con, kể từ tháng 11/2021 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị M thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh H nếu chị M không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: chị M, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: chị Bùi Thị M phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0011294 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh B. Chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA dân sự huyện T;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Oanh